

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN THẠNH
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: /2019/HNGĐ-ST

Ngày: 10/4/2019

Về việc: “*Xin ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN THẠNH - TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Bảo.

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Chính.

Bà Nguyễn Thị Duyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Diễm Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh.

Trong ngày 10 tháng 4 năm 2019 tại Trụ sở tòa án. TAND huyện Tân Thạnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 45/2019/TLST-HNGĐ, ngày 19/3/2019 về việc “*Xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 28/3/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Thanh T, sinh năm: 1976.

Cư trú: ấp B, xã N, huyện T, tỉnh L.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Mộng Th, sinh năm: 1975.

Cư trú: ấp B, xã N, huyện T, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn và trong quá trình xét xử ông Lê Thanh T trình bày nội dung vụ kiện như sau:

Ông T và bà Th chung sống với nhau vào năm 1998 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nhơn Hòa Lập, huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng từ năm 2017 đến nay thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và chuyện tiền bạc. Vợ chồng thường xuyên gây gổ, cãi vã nhau. Nay ông T xét thấy cuộc sống gia đình không hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn với bà Th.

- Về con chung: có 01 con chung tên Lê Thị Diễm M, sinh ngày 29/4/1999. Do con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Mộng Th trình bày:

Qua lời trình bày của ông T về thời gian và điều kiện kết hôn, bà Th đồng ý. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc nhưng từ năm 2017 đến nay này thì phát sinh mâu thuẫn, do ông T có quan hệ với người phụ nữ khác. Nay ông T yêu cầu ly hôn, nhưng do còn thương chồng, nên bà Th không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: có 01 con chung tên Lê Thị Diễm M, sinh ngày 29/4/1999 hiện đã trưởng thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về hôn nhân: tại phiên tòa ông T, bà Th thống nhất trình bày là vợ chồng chung sống với nhau vào 1998 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T vào ngày 09/7/2012, nên cuộc hôn nhân của ông T, bà Th là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân theo ông T trình bày thống nhất do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hợp tính tình nên Th xuyên gây gỗ, cãi vã nhau, còn theo bà Th trình bày thì nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do ông T có quan hệ với người phụ nữ khác. Nên giữa ông T và bà Th đã cắt đứt quan hệ tình cảm vợ chồng vào năm 2017. Nay ông T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên yêu cầu ly hôn, tuy nhiên bà Th trình bày mặc dù giữa vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, nhưng bà còn thương ông T, nên không đồng ý ly hôn.

Xét thấy thời gian giữa ông T, bà Th cắt đứt quan hệ tình cảm vợ chồng từ năm 2017 cho đến nay mặc dù bà Th không đồng ý ly hôn, nhưng bà Th không có động tác nào để thể hiện thiện chí hàn gắn lại hạnh phúc, cải thiện mối quan hệ vợ chồng, do đó nếu kéo dài cuộc sống chung vợ chồng thì mục đích hôn nhân không đạt được. Nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 56 của luật hôn nhân và gia đình.

[2]. Về con chung: ông T, bà Th trình bày thống nhất là quá trình chung sống có 01 con chung tên Lê Thị Diễm M, sinh ngày 29/4/1999 hiện đã trưởng thành, nên không xem xét về con chung.

[3]. Về tài sản chung và nợ chung: ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về án phí: ông T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Th vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thanh T.

1. Về hôn nhân: Ông Lê Thanh T được ly hôn với bà Nguyễn Thị Mộng Th.

2. Về án phí: ông Lê Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004819, ngày 19/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh sang án phí.

Án xử sơ thẩm công khai có mặt các đương sự, báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án.

Nơi nhận

- Toà án tỉnh Long An;
- VKS huyện Tân Thạnh;
- THA huyện Tân Thạnh;
- UBND cấp xã nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

NGUYỄN ĐỨC BẢO